

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1									
2		BK20-CTK3	9:25	15	0		16	0	
4		CTK3+P3	11:25	16	0		16	0	
5		TD5	11:25	18	0		19	0	
6		RP2+GTC1+CTK3	13:25	5+6	0+0		8+8	0+0	
7									
8		BK16+TD5	13:25	5+10	0+0		9+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày CTK3-3ng, PPD-4ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/01/2025	TO: BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 640	ETD: 10:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTIEN - MMINH	ETA: 12:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUYEN VAN THIEU	BK20	58	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN MINH	CTK3						79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THANH NAM	CTK3	57	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI KHAC HUNG	CTK3	56	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
5	BOGDANOV E.V.	CTK3	51	1	8			80	KH-THAC	Russian
6	TRINH QUOC HUY	CTK3	49	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU CONG KHANG	CTK3	52	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN DU	CTK3	59	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	54	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA HUE	CTK3	53	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH CHUNG	CTK3						75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	55	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG DINH HAI	CTK3	58	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	50	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	60	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VAN THANH	CTK3	48	1	6	2	18	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	1	77	1	9	0	0	0		
2	CTK3	15	1.069	13	76	2	18	16		
TOTAL		16	1.146	14	85	2	18	16		
WEIGHT KG			1.146		85		18			

GRAND TOAL: 1.249 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/01/2025	TO: CTK3 - P3	AIRCRAFT: 646	ETD: 12:15
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CÔNG - ĐNAM	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN SƠN HA	CTK3	77-78	2	20	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU TRUNG	CTK3	86	1	13			81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	88	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	87	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	85	1	11	4	28	65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	300	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU HÀ	CTK3	89	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3	90	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	91-92	2	20			90	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	98	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN HUY	CTK3	97	1	8			67	ANTOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	94	1	6			60	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐĂNG THANH	CTK3	95	1	3			67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HIỆU	CTK3	96	1	4			62	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐẶC NHÀ	CTK3	99	1	5			59	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN KIM NIEN	CTK3	93	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	16	1.127	18	150	5	48	15		
2	P3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		16	1.127	18	150	5	48	16		
WEIGHT KG			1.127		150		48			

GRAND TOAL: 1.325 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

115019 (Fus)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:20
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	70	1	5	2	27	70	KHOAN	Russian
2	ASKAROV DENIS	TD5	77	1	7	3	27	87	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	78	1	6	2	40	70	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	74	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	64	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
6	VƯƠNG ĐỨC ANH	TD5	66	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
7	DO VĂN MAO	TD5	82-83	2	12			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD5	71-72	2	18			90	PVDWS	Vietnamese
9	LÊ TÙNG PHONG	TD5	73	1	15			63	PVDWS	Vietnamese
10	VŨ LONG PHI	TD5	75	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5						88	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CHUNG	TD5	68-69	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ SĨ PHỤNG	TD5	63	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG	TD5	79	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
15	PODKATILIN A.N	TD5	67	1	11			82	KHOAN	Russian
16	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	76	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD5						65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LÊ	TD5	65	1	7			71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	18	1.334	19	145	7	94	19		
TOTAL		18	1.334	19	145	7	94	19		
WEIGHT KG			1.334		145		94			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/01/2025	TO: RP2 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 646	ETD: 14:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CÔNG - XHOÀN	ETA: 16:25
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN HỢP	RP2	24	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NAM THĂNG	RP2	25	1	11	1	17	101	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG LINH	RP2	21	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIẾP	RP2	22-23	2	13	2	30	79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐẠI KHOA	RP2	48	1	16			71	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU VAN TUAN	GTC1	93	1	3			73	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN PHI KHAI HOAN	GTC1	100,92	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN HUNG	GTC1	94	1	6	2	40	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN SON TUNG	GTC1						71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH KHOI	GTC1	25	1	15			67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	65	1	7			68	PSV	Vietnamese
12	LÊ TUÂN VŨ	CTK3	64	1	7			100	PSV	Vietnamese
13	LÊ DUY HAI	CTK3	98	1	4			73	PSV	Vietnamese
14	LE VAN MINH	CTK3	66	1	4			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	5	406	6	58	3	47	0		
2	GTC1	5	358	5	31	2	40	8		
3	CTK3	4	318	4	22	0	0	8		
TOTAL		14	1.082	15	111	5	87	16		
WEIGHT KG			1.082		111		87			

GRAND TOAL: 1.280 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2025	TO: BK16 - TD5	AIRCRAFT: 622	ETD: 14:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LTUẤN - XTRƯỜNG	ETA: 16:30
XANH - 4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN KHANG	BK16	20	1	8	3	45	77	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO KIM CUÔNG	BK16	18	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	16-17	2	9			82	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	15	1	4			89	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN THỊNH	BK16	19	1	7			61	PSV	Vietnamese
6	TÔNG VĂN THẾ	TD5	81-82	2	18			75	SCHLUMBE	Vietnamese
7	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD5				3	60	79	ANTOAN	Vietnamese
8	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD5	80	1	9			76	DVL	Vietnamese
9	VUÔNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	83-84	2	19			97	PSV	Vietnamese
10	VU VĂN THU	TD5	56-57	2	7			66	PSV	Vietnamese
11	LƯƠNG ANH HAI	TD5	60	1	6			55	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TIẾN	TD5	61	1	5			62	PSV	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	58	1	3			61	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	62	1	4			60	PSV	Vietnamese
15	HỒ VĂN ANH	TD5	59	1	3			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	5	369	6	31	3	45	9		
2	TD5	10	707	12	74	3	60	10		
TOTAL		15	1.076	18	105	6	105	19		
WEIGHT KG			1.076		105		105			

GRAND TOAL: 1.286 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN